

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2025/DS-PT

Ngày 22 - 9 - 2025

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn và tranh chấp
hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Châu

Các Thẩm phán:

Bà Phạm Thị Thu Trang

Ông Lê Thành Trung

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Chí Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2025, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 27/2025/TLPT-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn và tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 62/2025/HNGĐ-ST, ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bến Tre (Nay là Tòa án nhân dân khu vực X - Vĩnh Long) bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 37/2025/QĐ-PT, ngày 04 tháng 09 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 40/QĐ-ST ngày 18/09/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Mỹ K, sinh năm 1996, địa chỉ: Số B, ấp B, xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre (Nay là số B, ấp B, phường B, tỉnh Vĩnh Long), có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Nhật Long H, Luật sư của Văn phòng L1 thuộc Đoàn luật sư tỉnh V (có mặt).

- Bị đơn: Anh Lê Minh Đ, sinh năm 1989; địa chỉ: Số B, ấp B, xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre (Nay là số B, ấp B, phường B, tỉnh Vĩnh Long), có mặt.

Ngoài ra còn có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là: (1) Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ2 (B1); Trụ sở: Tháp B1, số A, T, phường H, Thành phố Hà Nội, Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của Ngân hàng B1: Bà Trần Thị

Trúc H1; Địa chỉ: Số B, Đại lộ D, phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre (Nay là số B, Đại lộ D, phường A, tỉnh Vĩnh Long) và (2). Bà Từ Thị H2, sinh năm 1960; địa chỉ: Số B, ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre (Nay là số B, ấp T, xã H, tỉnh Vĩnh Long), do không liên quan đến việc kháng cáo nên không triệu tập tham dự phiên tòa phúc thẩm.

- *Người kháng cáo:* Chị Trần Thị Mỹ K là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ K trình bày và có yêu cầu như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Mỹ K và anh Lê Minh Đ kết hôn và có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre vào ngày 13/12/2017, hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, thời gian đầu cuộc sống gia đình hạnh phúc, đến khoảng năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, anh Đ có hành vi hành hung chị K nên đã sống ly thân từ tháng 12/2023 cho đến nay. Chị K và anh Đ đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành nên xin được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: có 01 con chung tên Lê Trần Thiên I, sinh ngày 20/6/2021. Sau khi ly hôn, chị K yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Hiện con chung đang sinh sống với chị K. Khi nộp đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn thì chị K và anh Đ có thỏa thuận về con chung sẽ giao cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng và chị K không cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, sau đó anh Đ ngăn cản việc thăm nom con của chị K nên chị K đã rút yêu cầu lại và Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ việc. Chị K yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng vì con chung là con gái và hiện đang có cuộc sống, học tập tốt bên mẹ; anh Đ không có nhiều thời gian chăm sóc con chung, anh Đ có tính côn đồ, hành hung chị K và mẹ ruột của chị K nên việc giao con chung cho anh Đ nuôi dưỡng sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống và quyền, lợi ích hợp pháp của con chung. Đối với giấy cam kết là do chị K viết, lý do chị K viết là vì lúc đó con của chị K đang ở bên nhà mẹ ruột anh Đ, cho nên buộc chị K phải viết nội dung như thế thì mới được đón con về. Hiện tại chị K và con chung đang thuê nhà trọ sinh sống tại xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre, từ khi nộp đơn ly hôn đến nay chị K là người trực tiếp nuôi con, anh Đ không hỏi thăm con, không cấp dưỡng nuôi con và hiện nay con đang học tại Trường mầm non B2. Hiện chị K đang làm việc tại Bệnh viện N1 và Công ty trách nhiệm hữu hạn B3, thu nhập mỗi tháng khoảng 25.000.000 đồng. Chị K chỉ làm việc giờ hành chính, không có trực ca đêm và khi chị K đi làm thì con chung đi học.

Về tài sản chung: có 01 căn nhà trên thửa đất số 1381, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre được xây dựng vào năm 2019 là trong thời kỳ hôn nhân, tiền xây dựng nhà là của 02 vợ chồng, đất là tài sản riêng của anh Đ. Số

tiền xây dựng nhà là khoảng 600.000.000 đồng, bao gồm 200.000.000 đồng vay của Ngân hàng B4, chị K đưa vàng cưới của chị K cho mẹ ruột anh Đ bán lấy tiền xây nhà, số lượng khoảng 02 lượng vàng 24K, phần còn lại là anh Đ lo vì lúc đó anh Đ đi làm về không có đưa tiền lương cho chị K, chị K phải lo cho gia đình và lo cho con, chị K là người đóng tiền điện nước nên mặc dù phần còn lại anh Đ lo nhưng vẫn là của chồng công vợ. Chị K xác định tài sản chung của chị K và anh Đ là căn nhà với giá trị là 400.000.000 đồng và không yêu cầu định giá tài sản, chị K đề nghị chia đôi mỗi người nhận 200.000.000 đồng, do chị K đã nhận 100.000.000 đồng từ anh Đ nên yêu cầu anh Đ tiếp tục giao cho chị K 100.000.000 đồng nữa thì anh Đ được toàn quyền sở hữu nhà. Đối với việc thỏa thuận về phần tài sản chung theo đơn thuận tình ly hôn với nội dung anh Đ giao cho chị K 100.000.00 đồng cũng như phần con chung với điều kiện chị K phải được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, nhưng sau đó anh Đ không làm đúng như thỏa thuận nên chị K thay đổi ý kiến yêu cầu chia tài sản theo giá trị thực tế.

Về nợ chung: có nợ của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ2 – chi nhánh B5 số tiền 88.325.446 đồng, do số nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân và phục vụ cho nhu cầu của gia đình nên chị K yêu cầu chia đôi số nợ trên mỗi người phải trả số tiền bằng 44.162.723 đồng. Chị K vay sử dụng để mua xe gắn máy và mua nội thất trong gia đình, hiện xe đã bán để đóng tiền học cho con.

Theo bản tự khai; các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án; những lời trình bày tại các biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn anh Lê Minh Đ cùng người đại diện theo ủy quyền (về phần tài sản chung và nợ chung) là bà Trần Thị Ngọc Như Ý1 cùng trình bày:

Anh Lê Minh Đ thống nhất với lời trình bày của chị Trần Thị Mỹ K về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn như lời trình bày của chị K. Anh Đ xác định có xảy ra mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình của chị K và chăm sóc con không tốt. Đối với việc chị K trình bày ông anh Đ có hành hung mẹ chị K là hoàn toàn không có. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Đ đồng ý thuận tình ly hôn với chị K.

Về con chung: có 01 con chung tên Lê Trần Thiên Ý, sinh ngày 20/6/2021. Anh Đ không đồng ý giao cho chị K nuôi dưỡng, anh Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con. Con chung từ nhỏ đến lớn sống chung với anh Đ và chị K tại xã B, từ tháng 12/2023 do mâu thuẫn nhiều và chị K đi học nên anh Đ đã gửi về nhà nội ở xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre. Đến ngày 15/9/2024, chị K có đến nhà cha mẹ ruột của anh Đ để đòi bắt con, anh Đ có mời Công an xã lên làm việc, chị K có viết cam kết trong vòng 03 ngày sẽ giao con lại cho anh Đ có sự chứng kiến của Trưởng ấp, tuy nhiên sau khi nhận con đến nay chị K vẫn không giao con lại cho anh Đ. Đối với việc chị K cho rằng anh Đ ngăn cản việc thăm nom con là không đúng, anh Đ vẫn cho chị K thăm nom chăm sóc con

bình thường, không có ngăn cản. Từ khi nộp đơn ly hôn, anh Đ có xuống nhà mẹ của chị K ở xã H, huyện G xin thăm con nhưng chị K không cho và anh Đ có nộp đơn tại Công an xã H.

Về tài sản chung: Anh Đ và chị K không có tài sản chung. Căn nhà mà chị K yêu cầu chia được xây dựng năm 2019, nguồn tiền xây dựng là vay tiền của Ngân hàng B4 100.000.000 đồng (vay của Ngân hàng 200.000.000 đồng, trong đó xây nhà 100.000.000 đồng và anh Đ đi học 100.000.000 đồng), số tiền còn lại là của mẹ ruột anh Đ là bà Từ Thị H2 cho riêng anh Đ để xây dựng nhà. Việc thanh toán tiền công xây dựng nhà cũng như vật liệu xây dựng là do anh Đ và bà H2 thực hiện, có lúc anh Đ không có nhà thì chị K đại diện ký nhận. Anh Đ không đồng ý xác định căn nhà là tài sản chung của vợ chồng mà là tài sản riêng của cá nhân anh Đ, anh Đ đồng ý xác định giá trị căn nhà hiện nay là 400.000.000 đồng để Tòa án làm căn cứ giải quyết vụ án, không cần phải định giá tài sản. Lý do trước đây anh Đ thỏa thuận trong vụ việc thuận tình ly hôn anh Đ giao cho chị K 100.000.000 đồng là do để được nuôi con, hỗ trợ cho chị K tiền đi học và tình nghĩa vợ chồng.

Về nợ chung: Anh Đ và chị K không có nợ chung. Trong các khoản vay của chị K vay tiền trong đó có khoản vay thấu chi thì anh Đ không biết và Ngân hàng cũng không liên hệ gì với anh Đ. Anh Đ không đồng ý trả khoản vay trên, đồng thời trong đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn trước đây các bên cũng trình bày không có nợ chung.

Theo bản tự khai, lời trình bày tại các biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ2 là bà Trần Thị Trúc H1 trình bày:

Chị Trần Thị Mỹ K có ký hợp đồng tín dụng số 01/2022/12004194/HĐTD ngày 15/7/2022 vay của Ngân hàng số tiền 50.000.000 đồng, đồng thời Ngân hàng có cấp hạn mức thấu chi cho bà K với mức 50.000.000 đồng theo hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 01/2023/12004194/HĐTD ngày 10/8/2023. Mục đích vay: phục vụ nhu cầu tiêu dùng của cá nhân và gia đình. Dư nợ hiện tại của cả hai hợp đồng cả gốc và lãi tính đến hết ngày 18/6/2025 là 88.325.446 đồng (bao gồm: dư nợ gốc là 77.129.576 đồng và dư nợ lãi: 11.195.870 đồng), hiện các khoản vay trên đã quá hạn thanh toán. Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu chị K và anh Đ liên đới thanh toán tất 02 khoản vay trên, yêu cầu mỗi người phải trả một nửa tương đương số tiền 44.162.723 đồng.

Theo lời trình bày tại biên bản hòa giải, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Từ Thị H2 trình bày:

Bà Từ Thị H2 là mẹ ruột của ông Lê Minh Đ . Năm 2019, bà H2 có đứng ra mua vật liệu xây dựng, trả tiền công xây dựng để xây dựng nhà cho con bà là ông

Lê Minh Đ, số tiền khoảng hơn 300.0000.000 đồng, số tiền này mục đích bà H2 cho riêng con bà là ông Đ để cất nhà, bà không có cho chị K, bà đề nghị bà K và ông Đ trả cho bà H2 số tiền nêu trên. Việc bà K trình bày có đưa vàng cưới cho bà H2 bán để cất nhà là hoàn toàn không có. Hiện bà H2 không có yêu cầu gì trong vụ án này, bà H2 xin vắng mặt tại các lần giải quyết, xét xử tiếp theo tại Tòa án các cấp. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, riêng phần tiền của bà H2 xây dựng nhà bà H2 xác định là cho riêng ông Lê Minh Đ .

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 62/2025/HNGĐ-ST, ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bến Tre (Nay là Tòa án nhân dân khu vực X - Vĩnh Long) đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, các điểm a, c khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 157, 201, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Áp dụng các Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Áp dụng các Điều 33, 51, 56, 58, 59, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, *đã tuyên xử*:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ K về việc yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản khi ly hôn đối với bị đơn anh Lê Minh Đ và chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ2 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với chị Trần Thị Mỹ K, anh Lê Minh Đ . Cụ thể tuyên:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Mỹ K được ly hôn với anh Lê Minh Đ .

1.2. Về con chung: Buộc chị Trần Thị Mỹ K giao con chung tên Lê Trần Thiên Ý, sinh ngày 20/6/2021 cho anh Lê Minh Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận anh Lê Minh Đ không yêu cầu chị Trần Thị Mỹ K cấp dưỡng nuôi con.

Chị Trần Thị Mỹ K được quyền đến thăm, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung:

- Buộc anh Lê Minh Đ có trách nhiệm hoàn trả cho chị Trần Thị Mỹ K số tiền 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án

còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Anh Lê Minh Đ được trọn quyền quản lý, sử dụng căn nhà trên thửa đất số 1381, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

1.4. Về nợ chung:

- Buộc chị Trần Thị Mỹ K có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ2 số nợ tính đến hết ngày 18/6/2025 là: 44.162.723 (Bốn mươi bốn triệu, một trăm sáu mươi hai nghìn, bảy trăm hai mươi ba) đồng.

- Buộc anh Lê Minh Đ có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ2 số nợ tính đến hết ngày 18/6/2025 là: 44.162.723 (Bốn mươi bốn triệu, một trăm sáu mươi hai nghìn, bảy trăm hai mươi ba) đồng

- Chị Trần Thị Mỹ K và anh Lê Minh Đ còn phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 01/2022/12004194/HĐTD ngày 15/7/2022 và hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 01/2023/12004194/HĐTD ngày 10/8/2023 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ2 - Chi nhánh B5 và chị Trần Thị Mỹ K kể từ ngày 19/6/2025 cho đến khi trả dứt nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ2.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 26 tháng 6 năm 2025, chị Trần Thị Mỹ K kháng cáo về phần con chung, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng giao con chung Lê Trần Thiên Ý, sinh ngày 20/6/2025 cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh Lê Minh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo; tại phiên tòa phúc thẩm, anh Đ và chị K đã thỏa thuận được với nhau về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, theo đó, anh Đ thống nhất giao con chung tên Lê Trần Thiên Ý, sinh ngày 20/6/2025 lại cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đ không cấp dưỡng nuôi con chung.

Ý kiến của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Thống nhất theo sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị K và anh Đ, không có ý kiến bổ sung gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án:* Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Đ và chị K đã thỏa thuận được với nhau về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, theo đó, anh Đ thống

nhất giao con chung tên Lê Trần Thiên Ý, sinh ngày 20/6/2025 lại cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đ không cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, từ khi sống ly thân, cháu Thiên Ý đã sống chung với chị K và chị K là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, hiện cháu sống, vui chơi, được đi học bình thường nên việc thỏa thuận thống nhất giao con chung cho chị K nuôi là có cơ sở, phù hợp với môi trường sống hiện tại của cháu, phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận, về án phí dân sự phúc thẩm các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng Điều 300, khoản 2 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự sửa án sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ K làm trong hạn luật định và hợp lệ nên chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét nội dung vụ án và đơn kháng cáo của chị Trần Thị Mỹ K, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Nguyên đơn kháng cáo 01 phần bản án về con chung, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét cho chị K được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Đ và chị K đã thỏa thuận được với nhau về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, theo đó, anh Đ thống nhất giao con chung tên Lê Trần Thiên Ý, sinh ngày 20/6/2025 lại cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đ không cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi sống ly thân, cháu Thiên Ý đã sống chung với chị K và chị K là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, hiện cháu sống tốt, được vui chơi, được đi học bình thường nên việc thỏa thuận thống nhất giao con chung cho chị K trực tiếp nuôi là có cơ sở, phù hợp với môi trường sống hiện tại của cháu, phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự công nhận sự thỏa thuận giữa anh Đ và chị K.

[3] *Về án phí dân sự phúc thẩm*: Căn cứ khoản 5 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì “trường hợp đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm thì người kháng cáo phải chịu toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm” nên buộc chị Trần Thị Mỹ K phải chịu án phí dân sự phúc thẩm bằng 300.000 đồng, được căn trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000461 ngày 18/07/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực X – Vĩnh Long.

[4] Xét quan điểm của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long là có căn cứ chấp nhận.

[6] Các quyết định khác không bị kháng cáo, kháng nghị, không bị sửa đổi bổ sung có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025; Căn cứ khoản 5 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị Trần Thị Mỹ K và anh Lê Minh Đ về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

Sửa bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 62/2025/HNGĐ-ST, ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bến Tre (Nay là Tòa án nhân dân khu vực X - Vĩnh Long).

Tuyên xử:

1. *Về con chung:* Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Trần Thị Mỹ K với anh Lê Minh Đ, giao con chung tên Lê Trần Thiên Ý, sinh ngày 20/6/2021 cho chị Trần Thị Mỹ K trực tiếp nuôi dưỡng; anh Lê Minh Đ không cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lê Minh Đ được quyền đến thăm, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2. Các phần khác của bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 62/2025/HNGĐ-ST, ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bến Tre (Nay là Tòa án nhân dân khu vực X - Vĩnh Long) không bị sửa đổi, bổ sung, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. *Về án phí dân sự phúc thẩm:* Buộc chị Trần Thị Mỹ K phải chịu án phí dân sự phúc thẩm bằng 300.000 đồng, được trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000461 ngày 18/07/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực X – Vĩnh Long, chị K đã nộp đủ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND Khu vực X – Vĩnh Long;
- Phòng THADS Khu vực X – Vĩnh Long;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Ngô Thị Kim Châu